

Hạ Long, ngày 21 tháng 11 năm 2024

Số: ~~267~~/BC-DTNT

## BÁO CÁO

**Kết quả triển khai, thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí  
và công tác chuyển đổi số**

### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Khái quát tình hình chung có liên quan của đơn vị trong thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác chuyển đổi số.

#### 1. Tình hình chung của nhà trường

##### 1.1. Đặc điểm của nhà trường

- Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh gồm hai cấp THPT và THCS, là trường chuyên biệt mang tính chất phổ thông, dân tộc và nội trú; học sinh là con em các dân tộc ít người ở các xã vùng cao, biên giới của tỉnh Quảng Ninh, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trước sáp nhập Trường PT DTNT Tỉnh đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia giai đoạn hai năm học 2017 - 2018. Được đánh giá đạt chuẩn chất lượng cấp độ  $\frac{3}{4}$  năm học 2018 - 2019. Sau khi sáp nhập Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS & THPT tỉnh Quảng Ninh đạt chuẩn chất lượng cấp độ 1 năm học 2023 - 2024.

##### 1.2. Cơ sở vật chất

- Có 14 phòng tương ứng với 14 lớp, bảo đảm để dạy 2 buổi/ngày và tự học buổi tối cho tất cả các lớp; phòng học bộ môn có 6 phòng: Vật lí, Tin học, Hoá học, Sinh học, Mỹ thuật; các phòng đủ tiêu chuẩn theo qui định. Nhà trường được cấp 09 phòng học thông minh (có ba phòng đặc biệt được trang bị mỗi HS một máy tính), 03 máy tính xách tay và nhiều trang thiết bị thí nghiệm hóa, sinh, GDQP mới; đảm bảo cho việc tổ chức dạy và học có thực hành.

- Thư viện nhà trường với diện tích  $65m^2$ , được trang bị máy tính để tra cứu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Khu văn phòng: Có đủ các phòng làm việc chức năng. Các phòng được trang bị phương tiện, dụng cụ làm việc tối thiểu đáp ứng yêu cầu làm việc theo chuyên môn, tuy nhiên các phòng được bố trí ở các tầng khác nhau trong khu nhà A (7 tầng);

#### 2. Công tác chuyển đổi số

- Chuyển đổi số trong giáo dục là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Bao gồm cải tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ học tập, nâng cao trải nghiệm của học sinh.

Chuyển đổi số tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi thứ kết nối với nhau. Sự kết hợp mới mẻ của công nghệ, bảo mật nhằm thu hẹp khoảng cách địa lý để tạo ra trải nghiệm trong học tập, đồng thời tăng cường sự tương tác của mọi người.

Mục tiêu của chuyển đổi số trong giáo dục là nâng cao chất lượng giáo dục, tạo ra một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và công bằng, nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua, nhà trường cũng đã quán triệt và tuyên truyền đến CB, GV, CNV: Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2023, số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023, số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024. Đồng thời, triển khai thực hiện các công tác chuyển đổi số trong nhà trường khoa học đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **I. CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

#### **1. Kết quả đạt được**

##### *1.1. Ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ*

*- Việc thực hiện ban hành văn bản về kế hoạch, các quy chế.*

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, nhà trường xây dựng dự thảo và ban hành các Quy chế: *Quyết định số 103/QĐ-DTNT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Phổ thông DTNT Tỉnh về việc ban hành qui chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường Phổ thông DTNT Tỉnh; Chương trình số 56/CTr-DTNTT ngày 26/3/2024 về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Quyết định số 168/QĐ-DTNTT ngày 21/10/2024 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định số 170/QĐ-DTNTT ngày 21/10/2024 về việc ban hành Quy chế đánh giá xếp loại thi đua năm học 2024-2025; Quyết định số 169/QĐ-DTNTT ngày 21/10/2024 về việc ban hành Quy định về tổ chức bộ máy và hoạt động của trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Chương trình số 56/CTr-DTNTT ngày 26/3/2024 về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh năm 2024;*

Quyết định số đảm bảo đúng định mức, tiêu chuẩn của nhà nước và đảm bảo tiết kiệm ở mức cao nhất.

- Việc thực hiện phân công, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng và mọi thành viên trong đơn vị đối với công tác THPT, CLP.

Thực hiện đúng các quy định về bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo phân cấp quản lý.

- Việc thực hiện nghiêm túc chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Quy định chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở đơn vị mình.

1.2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- Việc thực hiện lập dự toán, quyết toán NSNN.

Công tác lập dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị về chi thường xuyên, và chi hoạt động sự nghiệp giáo dục đã bám sát chương trình, thực hiện nhiệm vụ của ngành, của tỉnh và Sở Giáo dục và đào tạo theo quy định. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong tổ chức hội nghị, cử cán bộ, giáo viên, nhân viên đi công tác. Đào tạo, bồi dưỡng, tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm.

Thực hiện quyết toán NSNN theo quy định.

- Việc sử dụng NSNN trong các hoạt động của nhà trường đảm bảo đúng chế độ, đối tượng, định mức, tiết kiệm.

Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mua sắm và thiết bị làm việc của cơ quan. Sử dụng văn phòng phẩm, điện nước, điện thoại, chi tiếp khách, chi công tác phí theo quy chế.

- Việc thực hiện công khai, minh bạch dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán NSNN.

\* Công khai theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

\* Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Nội dung: Công khai tình hình tài chính của nhà trường;
- Hình thức: Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc niêm yết phòng Hội đồng nhà trường.
- Thời gian, thời điểm: Công khai vào các quý và tại Hội nghị Cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động hàng năm.
- Thời gian thực hiện niêm yết: ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

### *1.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng thiết bị làm việc của đơn vị*

Việc quản lý sử dụng tài sản công thực hiện đúng theo quy định của Luật số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 06 năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Quản lý sử dụng thiết bị giảng dạy, máy móc thiết bị văn phòng đúng mục đích, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, tránh trường hợp hư hỏng nặng khi chưa hết thời gian sử dụng theo quy định. Không tự ý mang tài sản ra ngoài đơn vị, không sử dụng mục đích cá nhân.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công cho phù hợp với quy định hiện hành và thực tế tại nhà trường.

Tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc: sử dụng thiết bị, máy móc văn phòng đúng mục đích, bảo quản, bảo trì tài sản thường xuyên để tận dụng được tối đa các chức năng của thiết bị. Sử dụng đúng mục đích và hiệu quả tài sản được giao.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí mua sắm đúng định mức và chế độ theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích, tiết kiệm điện, nước, công tác phí...

- Tài sản được hạch toán và theo dõi trong sổ tài sản cố định theo đúng quy định.

- Việc cấp trang bị máy tính và các thiết bị văn phòng khác đúng theo định mức, tiêu chuẩn trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ công tác chuyên môn có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Việc mua sắm tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

- Rà soát, lập kế hoạch, dự toán, quản lý, bố trí sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

- Triển khai tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản của đơn vị và thanh lý các tài sản hư hỏng, không cần dùng.

*1.4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; lĩnh vực cải cách hành chính và chuyển đổi số*

Sử dụng đúng mục đích trụ sở làm việc không có hiện tượng sử dụng sai mục đích hoặc không sử dụng.

- Tiết kiệm chi phí sử dụng trong quá trình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính gắn kết chặt chẽ với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, mục tiêu gửi, nhận văn bản qua Chính quyền điện tử đạt 100%.

## **2. Đánh giá chung**

### *2.1. Ưu điểm*

Việc quản lý, sử dụng kinh phí cho hoạt động của nhà trường đã gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các quy định của Luật ngân sách Nhà nước từ khâu lập dự toán đến chấp hành và quyết toán ngân sách đã được thực hiện nghiêm túc.

Việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị chuyên môn làm việc đi vào nề nếp; việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị chuyên môn làm việc được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn, định mức.

### *2.2. Tồn tại, hạn chế: Không*

Thực hiện công văn số 1770/SGDDĐT-VP ngày 31/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc triển khai đánh giá, tổng kết nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS; Báo cáo thống kê giáo dục và Đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục năm học 2023 – 2024. Trường PT Dân tộc nội trú THCS & THPT tỉnh Quảng Ninh báo cáo kết quả thực trong năm học 2023 – 2024, cụ thể như sau:

## **II. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo**

Nhà trường đã triển khai tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về ngày chuyển đổi số Quốc gia.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ;

- Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

- Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 3200/SGDĐT-VP ngày 10/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024.

- Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 của Sở GDĐT về việc Thực hiện Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024...

Cùng một số văn bản chỉ đạo khác liên quan.

## **2. Kết quả đạt được**

### ***2.1. Công tác chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra và đánh giá***

*\* Nhà trường đã ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 2024 cụ thể :*

(1) Kế hoạch số 263/KH-DTNTT ngày 01/12/2023 về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục từ năm học 2023-2024 ;

(2) Kế hoạch số 60/KH-DTNTT ngày 03/4/2024 về thực hiện Chuyển đổi số năm 2024.

(3) Kế hoạch số 212/KH-DTNTT ngày 02/10/2024 về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025 ;

(4) Kế hoạch số 215/KH-DTNTT ngày 04/10/2024 về Tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025 ;

(5) Quyết định số 104/QĐ-DTNTT ngày 04/10/2024 việc Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025 ;

(6) Quyết định số 105/QĐ-DTNTT ngày 04/10/2024 việc thành lập tổ hồ trơ và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số và thông kê giáo dục năm học 2024 – 2025.

Theo đó nhà trường đã triển khai nội dung kế hoạch, tổ chức hướng dẫn tập huấn phần mềm sử dụng OLM cho giáo viên và học sinh để triển khai thực hiện Bắt đầu từ tuần 7 Học kỳ 1 và kế hoạch thời gian năm học 2024-2025.

- Thực hiện việc bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn về CNTT và CBS cho giáo viên, nhân viên, CBQL, 100% giáo viên trong nhà trường đã được tập huấn về các kỹ năng CNTT và CBS, cụ thể:
- + Kỹ năng khai thác, sử dụng các phần mềm dạy học.
- + Kỹ năng dạy, học trực tuyến, kỹ năng tìm kiếm thông tin trên internet, kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thi nghiêm ảo.

- + Tập huấn bồi dưỡng cho tất cả các học sinh phụ tách CNTT và TBDH của các lớp trong việc bảo quản, sử dụng và hỗ trợ về công nghệ cho giáo viên bộ môn thực hiện ứng dụng CNTT tại lớp học.
- Chỉ đạo toàn thể CB, GV, NV thực hiện đầy đủ các nội dung công tác trong năm học, tập trung nguồn lực cho hoạt động ứng dụng CNTT trong nhà trường, từ cán bộ đến giáo viên, nhân viên, gắn kết chặt chẽ các hoạt động giáo dục với ứng dụng CNTT.

- Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quản trị, tuyển dụng nhân sự cao nhân sự cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của dữ liệu số, tính cấp thiết của quá trình thực hiện chuyên đổi số trong thực tiễn hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục; đây là nhân tố và vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn.
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng CBS do Sở GDĐT, nhà trường tổ chức.

- \* Kết quả ứng dụng CNTT và chuyên đổi số trong đời sống nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá
- Bước đầu nhà trường đã triển khai hiệu quả phần mềm sử dụng OLM vào dạy học, kiểm tra đánh giá. Đặc biệt trong triển khai các hoạt động ôn tập kiểm tra, kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng phụ đạo học sinh.
- Tiếp tục duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS)
- Đã triển khai kiểm tra, đánh giá bài kiểm tra định kỳ bằng hình thức trực tuyến trên máy tính và thiết bị công nghệ ở các bộ môn.

- Triển khai tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của nhà trường qua mạng internet (kế hoạch chuyên môn, kế hoạch bài dạy, bài NCKH, các tiết dự giờ thao giảng đều được đưa lên hệ thống Google drive của nhà trường qua đường link gmail: [dtntphonggiaovu2020@gmail.com](mailto:dtntphonggiaovu2020@gmail.com)

- Tiếp tục lắp đặt lại thiết bị, phòng học thông minh trong trường, theo đó 100% các phòng học có đủ các thiết bị (máy tính, máy chiếu, thiết bị thông minh...) phục vụ dạy và học; tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch khai thác, sử dụng thiết bị, phòng học thông minh.

- Ứng dụng hiệu quả các phần mềm dạy học, sử dụng máy tính ở các phòng học thông minh cấp độ 1, phần mềm Shub classroom làm bài tập trắc nghiệm cho các bộ môn như Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, GDCD, Lịch sử, Địa lý...

- Bộ phận Tin học, nhân viên Công nghệ thông tin đã tổ chức tập huấn bồi dưỡng cách sử dụng phần mềm cho giáo viên và học sinh phụ trách thiết bị tại các phòng học để hỗ trợ GV trong các giờ dạy. 100% các tổ, nhóm chuyên môn sử dụng thành thạo phòng học thông minh, thiết bị máy tính, máy chiếu tại các phòng học.

## ***2.2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục***

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch CĐS và ứng dụng CNTT (Kế hoạch số 212/KH-DTNTT ngày 02/10/2024 về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025); thành lập tổ hỗ trợ và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025 (Quyết định số 105/QĐ-DTNTT ngày 04/10/2024).

- Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý và báo cáo.

- Hoàn thiện cập nhật mã số định danh cá nhân của học sinh, giáo viên và kết quả học tập của học sinh trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ, đặc biệt thông tin của học sinh lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển vào đại học.



- Duy trì hiệu quả hệ thống Công thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Tiếp tục duy trì trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường qua các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, zalo..

- Hệ thống mạng internet kết nối toàn trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Thường xuyên tổ chức, rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin về hồ sơ trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, tài chính đảm bảo đầy đủ thông tin, chính xác và cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

- Nhà trường hiện chưa có phòng phát triển học liệu (phòng studio).

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức 1 (tham chiếu Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 - mức độ 1: trường THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính).

### *2.3. Triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt*

Nhà trường đã triển khai thanh toán các khoản chi theo hình thức không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 1335/SGDDĐT-KHTC ngày 18/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

### *2.4. Công tác đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định 4725/QĐ - BGDĐT*

Nhà trường đáp ứng cơ bản Mức độ chuyển đổi số (Mức độ 2) với tổng điểm 75 điểm.

## **3. Đánh giá chung**

### *3.1. Ưu điểm*

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã xác định được mục tiêu của việc CDS trong giáo dục nên đã tích cực khắc phục những khó khăn về cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT để triển khai và thực hiện đồng bộ trong các khâu (quản lý, dạy và học) trong nhà trường.

### *3.2. Tồn tại hạn chế*

- Việc thực hiện chuyển đổi số ở một số khâu còn chưa đồng bộ, cụ thể khi học sinh chuyển trường, xét tuyển các trường Cao đẳng, Đại học, kết thúc năm học... vẫn phải in học bạ, sổ điểm để ký xác nhận trên bản in giấy.

- 02 cán bộ (do chuyển đổi công tác), giáo viên chưa có chữ ký số nên khó khăn trong việc thực hiện CDS toàn diện.

- Việc sử dụng kho tài liệu số hiện nay còn tràn lan, tính xác thực chưa cao, nội dung chưa được kiểm soát chặt chẽ. Điều này gây ra tình trạng không đồng nhất về kiến thức, mất nhiều thời gian để lựa chọn kiến thức trong quá trình sử dụng.

#### 4. Đề xuất, kiến nghị

Để công tác CDS được thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong các nhà trường, Trường PTDTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh đề nghị Sở GDĐT và các cơ quan chức năng quan tâm:

- Rà soát, hoàn thiện và cấp chữ ký số cho toàn bộ CBQL, giáo viên trong ngành giáo dục.

- Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn CNTT và CDS để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nhà trường có điều kiện học tập, tiếp cận sử dụng trang thiết bị hiện đại, ứng dụng hiệu quả CNTT và CDS.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình điểm việc thực hiện chuyển đổi số để các trường học tập những cách làm hay, sáng tạo trong việc xây dựng và triển khai có hiệu quả công tác chuyển đổi số.

- Áp dụng chỉ số đánh giá các đơn vị về thực hiện CDS trong quản lý, dạy và học.

Trường PTDTNT THCS & THPT tỉnh Quảng Ninh báo cáo kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT



**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Văn Sợi**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH  
TRƯỜNG PTDTNT THCS&THPT  
TỈNH QUẢNG NINH

Số: 29/BC-DTNT  
V/v tổ chức xét, chọn học sinh  
Dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc,  
tiêu biểu năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**Kính gửi:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ công văn số 3753/SGDDĐT-GDPT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức xét, chọn học sinh Dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc tiêu biểu năm 2024.

Trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh đề nghị danh sách học sinh dân tộc thiểu số có tổng số điểm đạt từ 28 điểm trở lên theo 3 tổ hợp xét tuyển đại học trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (*không tính điểm ưu tiên, điểm tăng do hệ số theo quy định một số trường*), có học lực xếp loại khá, giỏi, hạnh kiểm tốt trong 03 năm học THPT (*có danh sách kèm theo*).

Vậy kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh xem xét giải quyết.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (B/c);
- Lưu: VT, GV.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Văn Sợi**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH  
TRƯỜNG PTDTNT THCS&THPT TỈNH QUẢNG NINH

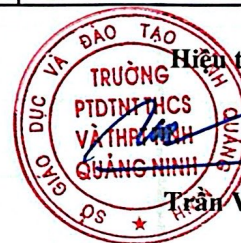
**DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÚNG TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC CÓ TỔNG SỐ 28 ĐIỂM TRỞ LÊN**  
Không tính điểm ưu tiên, điểm tăng do nhân hệ số đối với môn năng khiếu theo quy định một số trường và có học lực xếp loại khá, giỏi, hạnh  
kiêm xếp loại tốt trong ba năm học trung học phổ thông

STT	Họ và tên học sinh	Dân tộc	Nam/Nữ	Nơi học THPT		Tổng điểm trúng tuyển ĐH	Xếp loại hạnh kiêm 3 năm THPT	Xếp loại học lực 3 năm THPT	Cơ sở GD Đại học trúng tuyển	Số điện thoại của học sinh hoac cha me
				Lớp	Trường					
1	CHÌU THỊ THẢO	Dao	Nữ	12B	PTDTNT THCS &THPT TỈNH QN	28	Lớp 10: Tốt Lớp 11: Tốt Lớp 12: Tốt	Lớp 10: Khá Lớp 11: Giỏi Lớp 12: Giỏi	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG	0346840196

Người tổng hợp



Lê Thị Hương  
SĐT: 086.567.3288



Hiệu trưởng

Trần Văn Sợi

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỖNG LÃNG PHÍ

(Ban hành theo Công văn số /BC-DTNTT ngày /11/2024)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
I	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được Tỉnh ban hành, sửa đổi	văn bản	2	2	2	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	1					
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	triệu đồng						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	758	285	285	38%	100%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	100	62	62	62%	100%	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện,</i>	<i>triệu đồng</i>	70	1	1	1%		
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	50	51	51	102%	100%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	50	41	41	82%	100%	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	50	26	26	52%	100%	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>		40	40		100%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc (các khoản khác)</i>	<i>triệu đồng</i>	438	64	64	15%	100%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	<i>Thâm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	triệu đồng	522	-	-	0%		
	<i>Số đơn vị được giao tự chủ tài chính</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số người được hưởng lương từ ngân sách</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
III	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>	triệu đồng						
1	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	1		1			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			1			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						

3,3

3,4



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2,1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2			14.918,4			
2,2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			18.884,6			
2,3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			14.918,4			
2,4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2			18.884,6			
2,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3,4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
3,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3,6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	878					
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	40					
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả đến ngày 30/11/2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	0					
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0					
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

*Chu Hà Tiến*

TRƯỜNG THPT THCS VÀ THPT TỈNH QUẢNG BÌNH  
 THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
*Trần Văn S*